

TRUNG TÂM THÔNG TIN GIÁM SÁT TÀI CHÍNH QUỐC GIA

THÔNG TIN DỮ LIỆU KINH TẾ - TÀI CHÍNH Tuần 44 (28/10-01/11/2024)

CÁC THÔNG TIN CHÍNH TRONG TUẦN

Kinh tế - tài chính thế giới

- Mỹ: GDP nền kinh tế tăng trưởng 2,8% trong Q3/2024; Số đơn trợ cấp thất nghiệp đã giảm 12 nghìn đơn; Chỉ số PMI sản xuất bất ngờ giảm xuống 46,5 tháng 10/2024; Chỉ số giá tiêu dùng cá nhân (PCE) tăng 0,2%.
- EURO: GDP của khu vực trong Q3/2024 tăng 0,4%; Lạm phát hàng năm tăng lên 2% vào tháng 10/2024; Tỷ lệ thất nghiệp vẫn không đổi ở mức 6,3% trong tháng 9/2024; Niềm tin tiêu dùng tại khu vực tăng 0,4 điểm.
- Trung Quốc: Cả hai chỉ số PMI sản xuất đồng loạt tăng.
- Giá hàng hóa: Giá vàng thế giới giảm dần sau khi tăng mạnh; Giá dầu trên thị trường quốc tế: Hợp đồng dầu Brent tăng; Hợp đồng dầu WTI giảm.
- BOJ: Duy trì lãi suất ngắn hạn ở mức khoảng 0,25%.

Kinh tế - tài chính Việt Nam

- Chính phủ: Phần đầu năm 2024, CPI không vượt quá 4%.
- Chính phủ: ĐBQH đánh giá cao điểm sáng kinh tế, nêu 3 động lực chính cho tăng trưởng.
- BTC: Việt Nam và UAE nâng cấp quan hệ lên Đối tác Toàn diện.
- Doanh nghiệp Việt có niềm tin tích cực về triển vọng kinh tế 12 tháng tới.
- Chính phủ: Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ailen (UKVFTA) - Những tác động tích cực đến nền kinh tế.
- Lũy kế từ đầu năm 2024, TPCP và TPCP BL đã huy động được 302.246 tỷ đồng qua hình thức đấu thầu. Lũy kế từ đầu năm khối ngoại đã bán ròng trên 3 sàn hơn 79.410 tỷ VND cổ phiếu. Lãi suất trúng thầu tăng nhẹ so với đầu năm 2024 ở kỳ hạn 10 năm (+0,51 điểm) và 15 năm (không thay đổi).

A. DỮ LIỆU THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH - TIỀN TỆ

I. THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH – TIỀN TỆ

Bảng 1. Thị trường liên ngân hàng

Kỳ hạn	LS bình quân (%/năm)	%+/-1W	%+/-M	%+/-Y
Qua đêm	3,54	-0,18	7,52	-2,66
1 Tuần	3,92	-3,12	11,31	-11,32
2 Tuần	4,12	-3,49	12,2	-12,44
1 Tháng	3,8	0,41	10,79	-9,13
3 Tháng	4,61	-1,52	10,96	-11,43
6 Tháng	5,1	3,64	9,26	-7,28
9 Tháng	4,6	-19,34	30,85	-45,68

Ghi chú: Ngày áp dụng 31/10/2024

Bảng 2. Thị trường mở

Ngày giao dịch	Kỳ hạn (ngày)	Khối lượng gọi thầu (tỷ đồng)	Số thành viên tham gia/trúng thầu	Khối lượng trúng thầu (Tỷ đồng)	Lãi suất trúng thầu (%/năm)
28/10/2024	7		18/18	10.000	4
	14		2/2	600	3,7
	28		1/1	200	3,99
29/10/2024	7		12/12	14.999,91	4
	14		3/3	2.400	3,7
	28		2/2	1.200	3,99
30/10/2024	7		3/3	3.000	4
	28		1/1	200	3,99
	31/10/2024	7		4/4	3.000
	14		2/2	6.300	3,75
	28		4/4	6.050	3,99
	01/11/2024	7		14/14	3.000
	14		1/1	1.000	3,7
	28		1/1	300	3,9

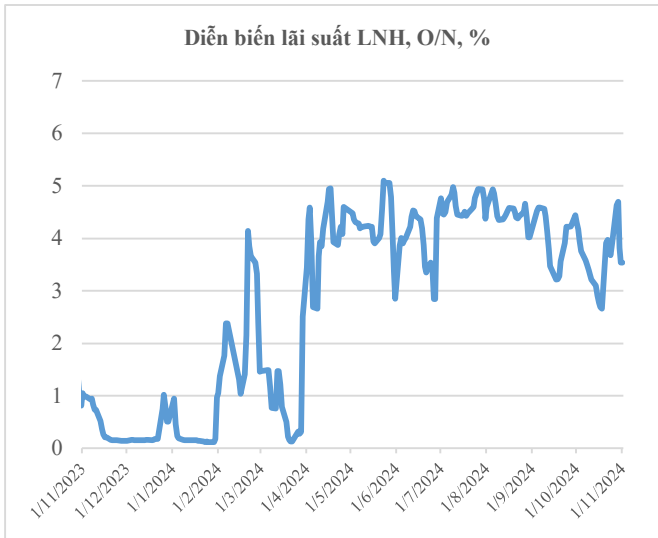
Bảng 3: Trái phiếu chính phủ

Phát hành TPCP		Lũy kế năm 2024		Tuần 44 (28/10-01/11/2024)			
Tỷ lệ đăng ký (lần)		1,32		0,52			
Tỷ lệ trúng thầu (%)		62%		31%			
Chi tiết gọi thầu		Giá trị (tỷ VND)		Giá trị (tỷ VND)			
1	3 Năm						
2	5 Năm	66.750		3.000			
3	7 Năm	6.000		-			
4	10 Năm	249.250		6.000			
5	15 Năm	131.500		1.000			
6	20 Năm	13.500		-			
7	30 Năm	21.400		1.000			
	Tổng	488.400		11.000			
Chi tiết đặt thầu		Giá trị (tỷ VND)	Lãi suất BQ (%)	Giá trị (tỷ VND)	Lãi suất (%)		
1	3 Năm						
2	5 Năm	91.481	1,3	2.720	1,88		
3	7 Năm	3.245	2	-	-		
4	10 Năm	373.532	2,08	2.050	2,66		
5	15 Năm	145.551	2,28	800	2,9		
6	20 Năm	11.456	2,6	-	-		
7	30 Năm	19.028	2,8	150	3,1		
	Tổng	644.293		5.720			
Chi tiết trúng thầu		Giá trị (tỷ VND)	Lãi suất BQ (%)	Giá trị (tỷ VND)	Lãi suất (%)	So với tuần	So với đầu năm 2024
1	3 Năm						
2	5 Năm	43.170	1,37	2.320	1,89	-	+0,39
3	7 Năm	795	2,02	-	-	-	-
4	10 Năm	178.910	2,15	1.000	2,66	-	+0,51
5	15 Năm	65.859	2,35	-	-	-	-
6	20 Năm	6.030	2,65	-	-	-	-
7	30 Năm	7.482	2,85	150	3,1	-	+0,25
	Tổng	302.246		3.470			

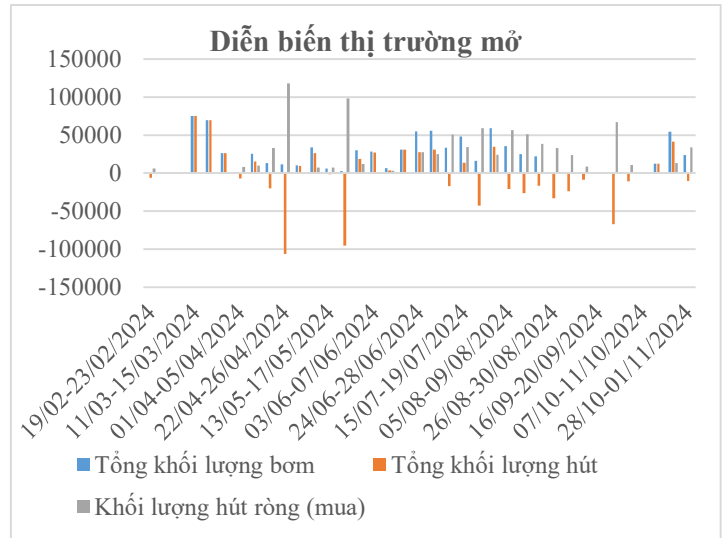
Nguồn: HNX, LS (min)

II. DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH – TIỀN TỆ (Đồ thị)

2.1. Thị trường tiền tệ

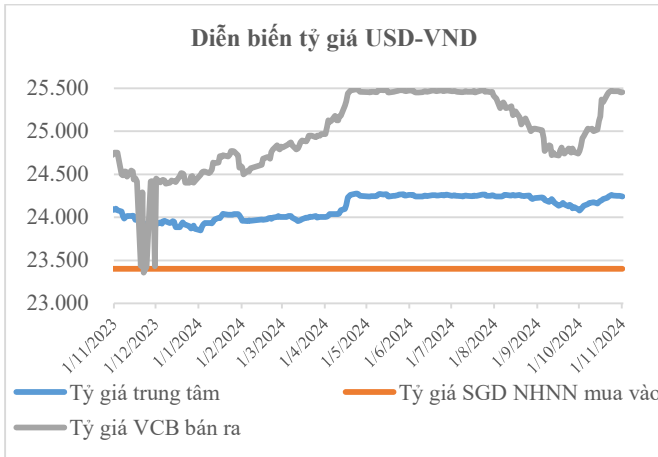


Nguồn: NHNN

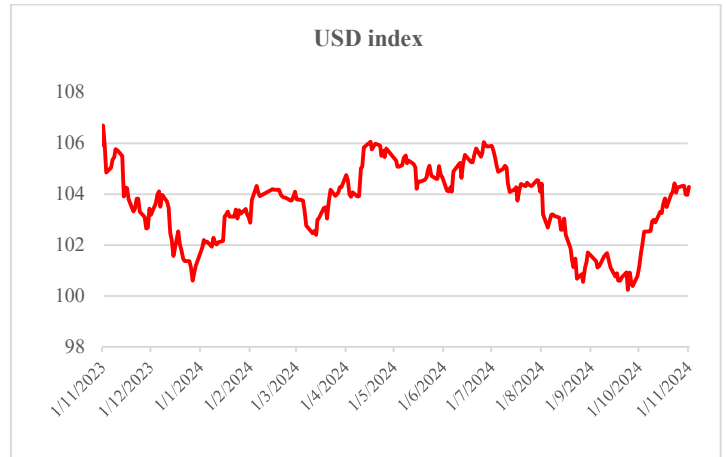


Nguồn: NHNN

2.2. Thị trường ngoại hối

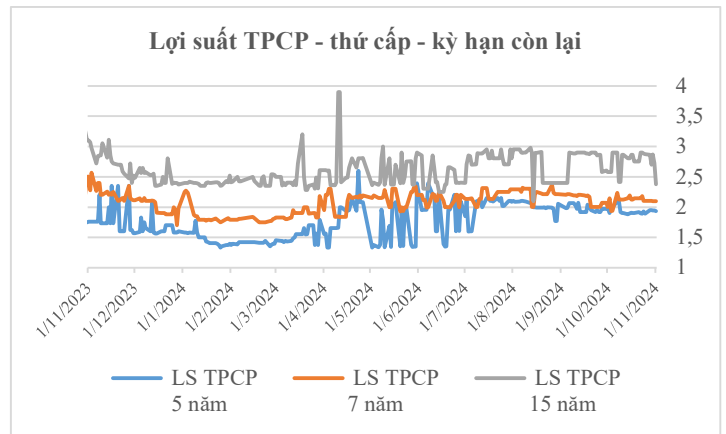
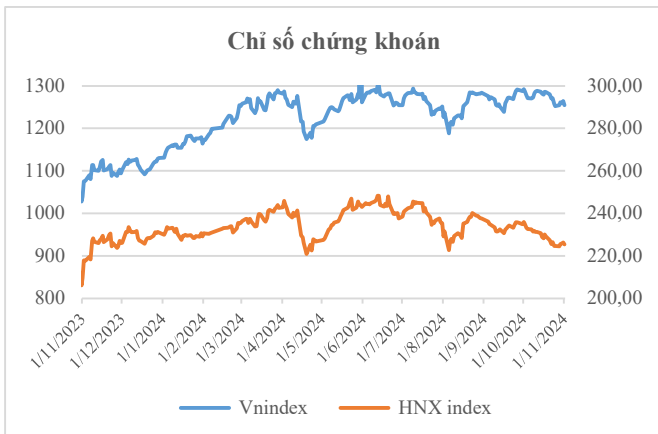


Nguồn: NHNN



Nguồn: Trading economics

2.3. Thị trường vốn



Nguồn: HNX, HSX, TTTT tổng hợp

III. DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH QUỐC TẾ TUẦN 44 (28/10-01/11/2024)

3.1. Lãi suất điều hành của một số NHTW

NHTW	Quốc gia	Lãi suất hiện áp dụng	Lãi suất trước đó	Thời gian điều chỉnh	Phiên họp chính sách sắp tới
FED	Mỹ	5.00%	5.50%	19/09/2024	07/11/2024
ECB	EURO Zone	3.25%	3.50%	17/10/2024	12/12/2024
BOJ	Nhật Bản	0.25%	0.00 %	31/07/2024	19/12/2024
PBoC	Tr/Quốc	3.10%	3.35 %	22/07/2024	NA
RBA	Úc	4.35%	4.10%	07/11/2023	05/11/2024
BoE	Anh	5.00%	5.25%	01/08/2024	07/11/2024
BOK	Hàn Quốc	3.25 %	3.50 %	11/10/2024	28/11/2024
BI	Indonesia	6.00%	6.25%	18/09/2024	20/11/2024
BNM	Malaysia	3.00%	2.75%	03/05/2023	06/11/2024
BOT	Thái Lan	2.25%	2.50%	16/10/2024	18/12/2024
CBR	Nga	21.00%	19.00%	13/09/2024	20/12/2024

3.2. Tỷ giá USD

Cặp tiền tệ chủ chốt	Tỷ giá	+/_ % theo W	+/_ % theo M	+/_ % YoY
EURUSD	1.08332	0.35%	-1.92%	2.01%
GBPUSD	1.29149	-0.35%	-2.62%	5.85%
AUDUSD	0.65586	-0.68%	-4.73%	1.94%
USDJPY	152.960	0.47%	4.36%	1.68%
USDCNY	7.13841	0.06%	1.43%	-2.58%
USDCAD	1.39503	0.42%	3.28%	1.55%
USDRUB	98.2496	1.03%	2.72%	5.34%
USDKRW	1378.48	-0.74%	4.21%	3.37%
DXY	104.319	0.00%	2.62%	-1.70%
USDTHB	33.9400	0.77%	3.13%	-5.54%
USDSGD	1.32600	0.50%	2.62%	-2.82%

3.3. Lợi tức Trái phiếu CP một số nước

Trái phiếu CP kỳ hạn 10 năm	Lợi suất	+/_ % W	+/_ % M	+/_ % YoY
United States	4.3970	0.15%	0.61%	-0.27%
United Kingdom	4.4608	0.22%	0.44%	0.08%
Japan	0.9453	-0.01%	0.13%	0.03%
Australia	4.5550	0.13%	0.63%	-0.25%
Germany	2.4050	0.11%	0.30%	-0.31%
China	2.1250	-0.02%	-0.03%	-0.56%
Singapore	2.8580	0.02%	0.21%	-0.46%
South Korea	3.0790	0.03%	0.14%	-1.09%
Taiwan	1.5000	0.00%	0.04%	0.26%
Thailand	2.4050	0.03%	-0.05%	-0.80%
Vietnam	2.7660	-0.03%	0.00%	-0.25%
Hong Kong	3.1900	0.03%	0.37%	-1.06%
Indonesia	6.7740	0.02%	0.28%	-0.19%
Malaysia	3.9650	0.05%	0.20%	-0.10%
Philippines	5.9040	0.03%	0.25%	-1.11%

3.4. Chỉ số chứng khoán một số nước

Chỉ số chủ chốt	+/_ % 1 W	+/_ % 1 M	+/_ % YTD	+/_ % 1Y	+/_ % 3 Y
Dow Jones	-0.15%	-0.71%	+11.58 %	+23.46%	+16.41%
S&P 500	-1.37%	-0.39%	+20.10 %	+31.44%	+22.41%
Nasdaq	-1.50%	+0.56%	+21.51 %	+35.33%	+14.43%
DAX	-1.07%	+0.70%	+14.94 %	+26.77%	+20.12%
FTSE 100	-0.87%	-1.25%	+5.74%	+10.24%	+12.32%
CAC 40	-1.18%	-1.75%	-1.78%	+5.13%	+6.03%
Euro Stoxx 50	-1.32%	-1.55%	+7.88%	+16.85%	+12.57%
Nikkei 225	+0.25%	-1.62%	+13.58 %	+18.97%	+27.57%
Shanghai	-0.84%	-1.93%	+9.99%	+7.96%	-7.23%
Hang Seng	-0.41%	-9.81%	+20.29 %	+16.09%	-18.71%
SET	+0.05%	+1.38%	+3.41%	+3.13%	-9.97%
KOSPI	-1.58%	-1.06%	-4.25%	+7.35%	-14.78%
IDX Com	-2.46%	+0.12%	+3.20%	+10.55%	+13.95%
PSEi	-2.34%	-4.35%	+10.74 %	+19.26%	-0.84%

3.5. Thị trường hàng hóa

1. Năng lượng	Giá	+/_ % W	+/_ % M	+/_ % Y
Crude Oil USD/Bbl	69.490	-3.19%	-0.87%	-15.42%
Natural gas USD/MMBtu	2.6630	-13.87%	-7.73%	-28.99%
Gasoline USD/Gal	1.9640	-5.67%	-2.46%	-12.33%
2. Kim loại quý				
Gold USD/t.oz	2736.21	-0.41%	2.85%	37.81%
Silver USD/t.oz	32.432	-3.76%	1.84%	42.56%
Lithium CNY/T	72500	1.40%	-5.23%	-55.66%
Platinum SD/Loz	993.30	-3.30%	-1.18%	7.97%

3. Khoáng sản	Giá	+/_ % W	+/_ % M	+/_ % Y
Copper USD/Lbs	4.3221	-0.50%	-5.96%	17.69%
Steel CNY/T	3290.00	1.45%	-2.37%	-12.48%
Iron Ore USD/T	102.49	-1.67%	-6.22%	-18.38%
Aluminum USD/T	2605.00	-2.62%	-2.94%	16.95%
Tin USD/T	31213	0.25%	-7.87%	30.55%
Zinc USD/T	3070.00	-1.19%	-4.00%	23.89%
Nikel USD/T	15984	-0.98%	-12.27%	-9.97%
Coal USD/T	143.95	-1.34%	1.70%	21.99%

Nguồn: Tổng hợp từ Tradingeconomics, Investing

B. THÔNG TIN KINH TẾ - TÀI CHÍNH

B1. KINH TẾ - TÀI CHÍNH THẾ GIỚI

I. KINH TẾ - THƯƠNG MẠI - ĐẦU TƯ

Tăng trưởng kinh tế toàn cầu

Mỹ: GDP nền kinh tế tăng trưởng 2,8% trong Q3/2024, so với dưới 3% trong Q2/2024 và dự báo là 3%.

Thị trường lao động có nhiều chuyển biến tích cực

Số đơn trợ cấp thất nghiệp đã giảm 12 nghìn so với tuần trước còn 216 nghìn trong tuần kết thúc của tháng 10, đạt cùng mức vào tháng 5 năm nay và thấp hơn nhiều so với kỳ vọng của thị trường 230 nghìn.

Các doanh nghiệp tư nhân bổ sung 233 nghìn trong tháng 10/2024, mức cao nhất kể từ tháng 7/2023, sau mức tăng ở 159 nghìn tháng trước và cao hơn nhiều so với dự báo là 115 nghìn.

Chỉ số PMI sản xuất bất ngờ giảm xuống 46,5 vào tháng 10/2024 từ mức 47,2 vào tháng 9 và thấp hơn dự báo là 47,6

Chỉ số giá tiêu dùng cá nhân (PCE) tăng 0,2% so với tháng 9/2024, sau khi tăng 0,1% vào tháng 8 và phù hợp với kì vọng của thị trường.

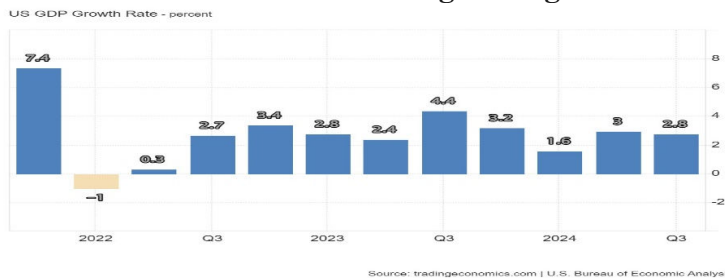
Khu vực EURO: GDP của khu vực trong Q3/2024 tăng 0,4%, sau mức tăng 0,2% ở quý trước và cao hơn dự báo là 0,2%. Đây cũng là tốc độ tăng trưởng mạnh nhất trong năm.

Lạm phát hàng năm tăng lên 2% vào tháng 10/2024, tăng từ 1,7% ở tháng trước và cao hơn một chút so với dự báo là 1,9%.

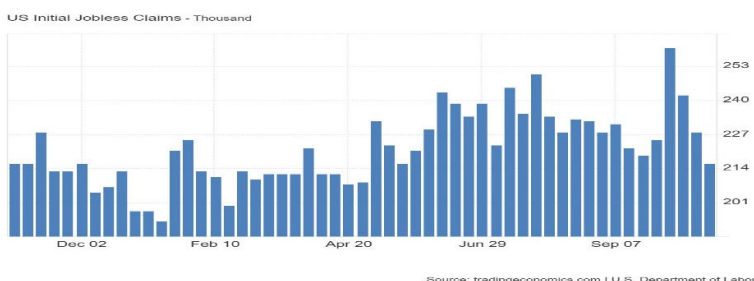
Tỷ lệ thất nghiệp vẫn không đổi ở mức 6,3% trong tháng 9

Niềm tin tiêu dùng tại khu vực tăng 0,4 điểm so với tháng trước lên -12,5 điểm trong tháng 10/2024, phù hợp với dự báo thị trường

GDP nền kinh tế tăng trưởng

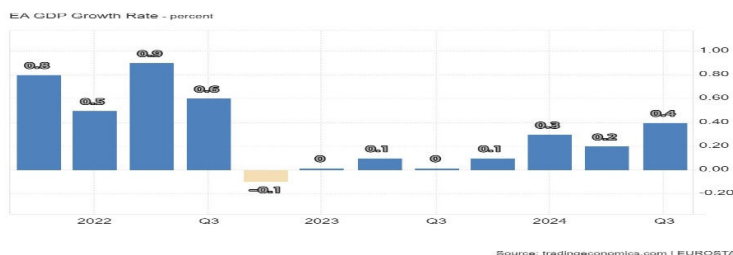


Số đơn trợ cấp thất nghiệp giảm

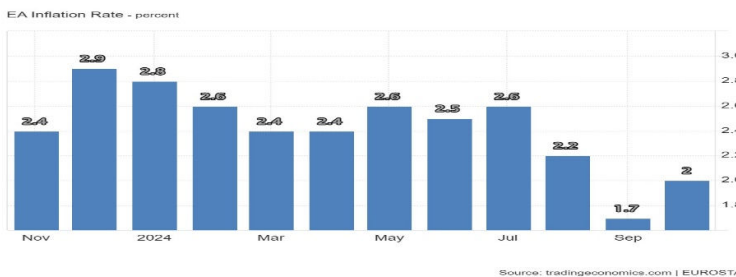


Nguồn: BLS/Tradingeconomics

GDP của khu vực



Lạm phát hàng năm tăng



Nguồn: Eurostat/Tradingeconomics

Trung Quốc:

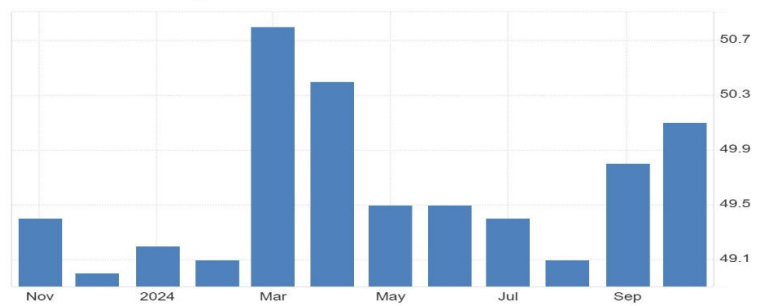
Cả hai chỉ số PMI sản xuất đồng loạt tăng

Chỉ số PMI sản xuất của NBS đã tăng lên 50,1 điểm trong tháng 10/2024, tăng so với mức 49,8 của tháng 9 và cao hơn một chút so với kỳ vọng của thị trường là 50. Đây là lần đầu tiên hoạt động của nhà máy mở rộng kể từ tháng 4, khi sản lượng tăng trong tháng thứ hai liên tiếp

Chỉ số PMI sản xuất chung tăng lên 50,3 vào tháng 10/2024 từ mức 49,3 của tháng trước, vượt qua dự báo của thị trường là 49,7. Đánh dấu sự chuyển dịch sang mở rộng hoạt động của nhà máy sau một loạt các biện pháp kích thích từ Bắc Kinh vào cuối tháng 09

Chỉ số PMI sản xuất chính thức

CN Business Confidence - points



Source: tradingeconomics.com | National Bureau of Statistics of China

Nguồn: NBS/Tradingeconomics

Giá hàng hóa thế giới tuần qua

Giá vàng thế giới giảm dần sau khi tăng mạnh

Kết thúc phiên giao dịch cuối tuần, hợp đồng vàng giao ngay giảm gần 1,5% lên 2.750 USD/oz. Thị trường tiếp tục đánh giá nhu cầu về sự an toàn trước cuộc bầu cử sắp tới của Hoa Kỳ và tiếp tục đánh giá triển vọng chính sách của Fed.

Giá dầu thị trường quốc tế

Kết thúc phiên giao dịch cuối tuần, hợp đồng dầu Brent tăng lên 73,1 USD/thùng sau khi giảm gần 3% trong tuần. Ngược lại, hợp đồng dầu WTI giảm 3% xuống còn 69,5 USD/thùng.

Nguồn: OPEC/Kitco

II. THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH

NHTW các nước

BOJ: Duy trì lãi suất ngắn hạn ở mức khoảng 0,25%

Trong cuộc họp tháng 10, BoJ nhất trí duy trì lãi suất ngắn hạn chủ chốt ở mức khoảng 0,25%, giữ ở mức cao nhất kể từ năm 2008 và phù hợp với ước tính của thị trường.

Quyết định của Thứ Năm được đưa ra trong bối cảnh bối cảnh chính trị thay đổi sau cuộc bầu cử của Nhật Bản và trước cuộc bầu cử tổng thống Hoa Kỳ. Trong khi đó, Thống đốc Kazuo Ueda đã nêu những lo ngại về triển vọng kinh tế toàn cầu ngày càng không chắc chắn, tuyên bố rằng BOJ có thời gian để phân tích các yếu tố rủi ro sau khi thực hiện tăng lãi suất vào tháng 3 và tháng 7.

Trong triển vọng hàng quý, BoJ giữ nguyên dự báo lạm phát cốt lõi sẽ đạt 2,5% trong năm tài chính 2024, với lạm phát dự kiến sẽ vào khoảng 1,9% cho cả năm tài chính 2025 và năm tài chính 2026. Về GDP, BoJ giữ nguyên dự báo tăng trưởng năm 2024 ở mức 0,6%. Ngoài ra, dự báo tăng trưởng 1,1% cho năm tài chính 2025 và 1,0% cho năm tài chính 2026.

Nguồn: Bloomberg

B2. KINH TẾ - TÀI CHÍNH TRONG NƯỚC

I. KINH TẾ VĨ MÔ

Phân đầu năm 2024, CPI không vượt quá 4%

Báo cáo của Bộ Tài chính tại cuộc họp nêu rõ: Trong 10 tháng năm 2024, mặt bằng giá thị trường trong nước biến động theo quy luật tăng cao vào tháng Tết đầu năm sau đó giảm và tương đối ổn định trong các tháng tiếp theo. So với tháng 12/2023, CPI tháng 9 năm 2024 tăng 2,18% và so với cùng kỳ năm trước tăng 2,63%. Bình quân 9 tháng năm 2024, CPI tăng 3,88% so với cùng kỳ 2023.

ĐBQH đánh giá cao điểm sáng kinh tế, nêu 3 động lực chính cho tăng trưởng

Việt Nam nổi lên điểm sáng khi chúng ta vẫn duy trì được về sự ổn định về kinh tế, chính trị, xã hội:

- Diễn hình là việc chúng ta đã kiểm soát lạm phát ở mức thấp trong vòng 10 năm, từ năm 2015 đến nay, chúng ta kiểm soát lạm phát ở mức khoảng 3%.
- Cán cân thương mại thặng dư liên tục từ năm 2016 đến nay. Đây là thành quả lớn, trong đó có việc liên tục xuất siêu. Trong 5 năm gần đây (2019-2024), Việt Nam xuất siêu 85 tỷ USD, như vậy, mỗi năm xuất siêu 17 tỷ USD.
- Thành tựu xuất khẩu, tăng 15,4%, trong khi chi phí logistic toàn cầu tăng cao, giá cả thế giới liên tục biến động, tăng giảm bất thường về giá dầu, giá vàng.

Việt Nam và UAE nâng cấp quan hệ lên Đối tác Toàn diện

- Khuôn khổ quan hệ mới giữa Việt Nam và UAE phản ánh sự tin cậy chính trị cao hơn và mở rộng hợp tác toàn diện trên nhiều lĩnh vực. Hai nước cam kết thúc đẩy hợp tác trong chính trị, an ninh, quốc phòng, kinh tế, thương mại, đầu tư, nông nghiệp, năng lượng, khoa học và công nghệ, cũng như văn hóa, giáo dục và giao lưu nhân dân.

Bộ Tài chính cập nhật 2 kịch bản điều hành giá. Theo đó, kịch bản 1, dự báo CPI bình quân năm 2024 tăng khoảng 3,7% so với năm 2023. Kịch bản 2, dự báo CPI bình quân năm 2024 tăng khoảng 3,92% so với năm 2023.

Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Đức Phúc, Trưởng Ban Chỉ đạo điều hành giá, nhấn mạnh mục tiêu “phân đầu năm 2024, CPI không vượt quá 4%”.

Nguồn: Chinhphu.vn

Ba động lực chính cho tăng trưởng:

- Động lực thứ nhất cần kết nối khu vực FDI với doanh nghiệp trong nước và phát triển công nghiệp phụ trợ, sản xuất vật liệu để tăng giá trị cho sản phẩm xuất khẩu.
- Động lực thứ hai về tổng vốn đầu tư phát triển của Việt Nam. Đối với khu vực có vốn nhà nước, có 2 nhánh, một là các tập đoàn, tổng công ty doanh nghiệp nhà nước thì tăng trưởng còn chậm. Đề nghị sớm sửa đổi Luật Quản lý vốn nhà nước theo hướng phát huy tinh thần năng động, chủ động sáng tạo hơn ở tại các tập đoàn, doanh nghiệp nhà nước, Nhánh thứ hai là vốn đầu tư công. Vấn đề làm sao giải ngân và đưa vốn này đi vào cuộc sống.
- Động lực thứ ba, là tiêu dùng nội địa. Mặc dù có sự cải thiện nhưng tổng mức bán lẻ hàng hóa, doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 8,8 % trong 9 tháng, vẫn còn thấp so với trước, do đó phải có chính sách hỗ trợ cho tiêu dùng nội địa, khuyến khích người Việt Nam ưu tiêu dùng hàng Việt Nam, hỗ trợ thu nhập cho người dân để kích cầu tiêu dùng.

Nguồn: Chinhphu.vn

- Đặc biệt, Việt Nam và UAE sẽ tích cực triển khai Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện (CEPA) với mục tiêu kim ngạch thương mại song phương đạt 20 tỷ USD. Hai bên cũng cam kết tăng cường xúc tiến thương mại, hợp tác đầu tư trong các lĩnh vực như năng lượng tái tạo, công nghệ thông tin và sản xuất nông nghiệp.

- Về năng lượng và đổi mới sáng tạo, cả hai bên nhấn mạnh tầm quan trọng của chuyển đổi năng lượng và cam kết hợp tác trong các lĩnh vực này. UAE sẽ hỗ trợ Việt Nam tiếp cận nguồn cung dầu khí và khuyến khích cung cấp dịch vụ dầu khí chất lượng.

- Ngoài ra, hai nước nhất trí hợp tác chặt chẽ trong chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo, đồng thời khẳng định cam kết duy trì ổn định và hòa bình trong khu vực. Hai bên sẽ tiếp tục hợp tác trên các diễn đàn quốc tế như ASEAN và Hội đồng Hợp tác vùng Vịnh.

Nguồn: BTC

Doanh nghiệp Việt có niềm tin tích cực về triển vọng kinh tế 12 tháng tới

- Triển vọng kinh tế ngành được đánh giá tích cực hơn trong kỳ khảo sát này so với hai kỳ trước, với tỷ lệ doanh nghiệp cho rằng triển vọng "rất tích cực" và "tích cực" tăng cao. Cụ thể, tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá "rất tích cực" đạt 2.8% (gấp 4 lần so với tháng 4/2023), và "tích cực" gấp gần 5 lần. Tuy nhiên, tỷ lệ đánh giá "tiêu cực/rất tiêu cực" vẫn cao, ở mức 54.6%.

- Điểm trung bình về triển vọng kinh tế ngành chỉ đạt 2.5/5, với ngành xây dựng có mức điểm thấp nhất 2.21, cho thấy sự bi quan nhất. Doanh nghiệp nhà nước đánh giá tích cực nhất với điểm 3.0/5, trong khi doanh nghiệp ngoài nhà nước có mức thấp nhất là 2.46/5.

- Về triển vọng tiếp cận vốn, tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá "rất tích cực" gấp gần 4 lần so với trước, nhưng vẫn có 49.6% đánh giá "tiêu cực/rất tiêu cực". Tương tự, trong đánh giá về thị trường, tỷ lệ doanh nghiệp thấy triển vọng "rất tích cực" tăng gấp 3 lần, nhưng vẫn có 50.5% cho rằng triển vọng này "tiêu cực/rất tiêu cực". Điều này cho thấy mặc dù có cải thiện, nhưng sự lạc quan vẫn chưa đủ mạnh để làm thay đổi tổng thể triển vọng kinh tế.

Nguồn: TTTT tổng hợp

Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ailen (UKVFTA) - Những tác động tích cực đến nền kinh tế

Trong 3 năm thực thi Hiệp định, tổng kim ngạch thương mại hai chiều giữa hai nước tăng trưởng trung bình 8,9%/năm. Trong đó, xuất khẩu của Việt Nam sang Vương quốc Anh tăng trưởng trung bình 9,4%/năm. Mức tăng này cao hơn rất nhiều so với mức tăng trưởng chung của xuất khẩu Việt Nam.

- Thặng dư thương mại của Việt Nam duy trì với Anh trong 9 tháng qua cũng ở mức 5,1 tỷ USD, tăng 24% so với cùng kỳ năm ngoái. Mặt khác, Hiệp định UKVFTA với những gỡ bỏ thuế quan rất triệt để cũng góp phần quan trọng để nâng cao thị phần của một số nhóm hàng có thế mạnh của Việt Nam tại thị trường Vương quốc Anh.

Nhờ Hiệp định mà một bộ phận không nhỏ các doanh nghiệp Việt Nam đã trưởng thành hơn rất nhiều trong việc tiếp cận thị trường, đưa hàng hóa của Việt Nam không chỉ vào thị trường Anh mà vào cả nhiều thị trường khó tính khác, đáp ứng các tiêu chuẩn ngày càng cao của thế giới.

Thu hút đầu tư FDI từ Vương quốc Anh vào Việt Nam là một điểm sáng với sự tăng trưởng rất tích cực; tăng từ mức 380 dự án cuối năm 2020 đến nay đã lên 584 dự án với tổng số vốn là 4,5 tỷ USD, tập trung vào nhiều lĩnh vực quan trọng như công nghiệp, chế biến, chế tạo, dịch vụ, tài chính, ngân hàng, năng lượng tái tạo, y tế. Điều này góp phần tạo thêm những động lực tăng trưởng cho nền kinh tế Việt Nam.

Nguồn: Chinhphu.vn

II. THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH-TIỀN TỆ

2.1. Thị trường tiền tệ

Tuần 44 (28/10-01/11/2024)

- Lãi suất VND liên ngân hàng tăng-giảm ở tất cả các kỳ hạn từ 1 tháng trở xuống.

- Tuần từ 28/10 - 01/11, ở kênh cầm cố, NHNN chào thầu kỳ hạn 7 ngày với lãi suất giữ nguyên ở mức 4,0%. Có 33.999,91 tỷ đồng trúng thầu, không có khối lượng đảo hạn trong tuần qua.

2.2. Thị trường ngoại hối

Tuần 44 (28/10-01/11/2024)

- Trên thị trường liên ngân hàng, tỷ giá VND/USD giảm.

- Chỉ số USD Index biến động nhẹ ở các phiên trong tuần, mức điểm cao nhất trong tuần đạt 104.42 điểm. Chốt lại phiên ngày 01/11 ở mức 104.28 điểm tăng 0.02 điểm so với phiên cuối tuần trước và cao hơn 3.09 điểm so với phiên cùng ngày tháng 10.

2.3. Thị trường trái phiếu

Thị trường sơ cấp TPCP& TP CBLCP:

Tuần 44 (28/10-01/11/2024)

Giá trị đấu thầu ngày cuối tuần thành công là **3.470/ 11.000** tỷ đồng, giá trị trúng tương ứng với tỷ lệ bằng 31%.

Trong đó kỳ hạn trúng thầu phát sinh với lãi suất tương ứng so với **tuần** trước: 5 năm-lãi suất 1,89 % (không tăng giảm điểm %); 10 năm-lãi suất 2,66 % (không tăng giảm điểm %); 30 năm-lãi suất 3,1 % (không tăng giảm điểm %);

Trong đó kỳ hạn trúng thầu phát sinh với lãi suất tương ứng so với cùng kỳ **tháng** trước: 5 năm-lãi suất 1,89 % (giảm 0,06 điểm %); 10 năm-lãi suất 2,66 % (không tăng giảm điểm

- Thị trường tiền tệ liên ngân hàng trong tuần từ 28/10-01/11, lãi suất VND liên ngân hàng có xu hướng giảm ở tất cả các kỳ hạn qua tất cả các phiên. Chốt phiên ngày 31/10, lãi suất VND liên ngân hàng giao dịch quanh mức: qua đêm 3,54% (-0,14 điểm phần trăm); 1 tuần 3,92% (+0,04 điểm phần trăm); 2 tuần 4,12% (+0,04 điểm phần trăm); 1 tháng 3,80% (-0,48 điểm phần trăm) so với phiên 25/10.

- NHNN chào thầu tín phiếu NHNN 2 kỳ hạn 14 ngày và 28 ngày, đấu thầu lãi suất. Kỳ hạn 14 ngày 10.300 tỷ đồng trúng thầu, lãi suất biến động từ 3,7% lên 3,75%, phiên cuối tuần ở mức 3,7%; kỳ hạn 28 ngày có 7.950 tỷ đồng trúng thầu, lãi suất 4 phiên đầu tuần ở mức 3,99%, phiên cuối tuần giảm xuống mức 3,90%.

Nguồn: NHNN, TTTT tổng hợp

- Thị trường ngoại tệ trong tuần từ 28/10-01/11, tỷ giá trung tâm được NHNN điều giữ nguyên ở 2 phiên đầu tuần trước khi giảm nhẹ vào phiên cuối tuần. Chốt ngày 01/11, tỷ giá trung tâm được niêm yết ở mức 24.242 VND/USD, giảm 12 đồng so với phiên cuối tuần trước đó và tăng 161 đồng so với phiên cùng ngày tháng 10.

- Sở giao dịch NHNN tiếp tục niêm yết giá mua - bán USD ở mức 23.400 VND/USD, tỷ giá bán giao ngay ở mức 25.450 VND/USD.

- Tỷ giá LNH trong tuần từ 28/10 - 01/11 giảm ở các phiên. Kết thúc phiên 31/10, tỷ giá LNH đóng cửa tại 25.280, giảm 96 đồng so với phiên cuối tuần trước đó và cao hơn 665 đồng so với phiên cùng ngày tháng 10.

Nguồn: NHNN, TTTT tổng hợp

Thị trường thứ cấp TPCP&TP CBLCP:

Giá trị giao dịch Outright và Repos trên thị trường thứ cấp tuần qua bình quân đạt 11.051 tỷ đồng/phiên, giảm 21,56% so với tuần trước, Lợi suất ngày cuối tuần của TPCP và TPCP BL biến động so với tuần trước, ở các kỳ hạn còn lại là:

5 năm	Tăng	0.04	điểm%
7 năm	Giảm	0.38	điểm%
10 năm	Giảm	0.016	điểm%
15 năm	Giảm	0.50	điểm%

Tuần qua NĐT NN bán ròng 151.21 tỷ đồng

Thời gian	Mua/Bán (tỷ VNĐ)
TUẦN 44 (28/10-01/11/2024)	151.21
Tháng 8-2024	388.26
Q2 - 2024	2,025
Năm 2022	-8,065
Năm 2021	10,886

);30 năm-lãi suất 3,1 % (không tăng giảm điểm %);

Lũy kế từ đầu năm 2024, TPCP và TPCP BL đã huy động được **302.246** tỷ đồng qua hình thức đấu thầu.

Thị trường TPDN:

Trong tuần qua, Thị trường không phát hành TPDN. Lũy kế từ đầu năm đến 01/11/2024 là 321.869 tỷ VND (có 327 đợt thông báo phát hành).

Tuần qua giao dịch thứ cấp TPDN riêng lẻ đạt 46.093 tỷ VND (Khối lượng 20.259).

Lũy kế từ khi có sàn giao dịch đạt giá trị 866.636 tỷ VND (KL đạt 1.882.527).

Nguồn: HNX, TTTT tổng hợp

2.4. Thị trường cổ phiếu

Thị trường chứng khoán:

Trong tuần qua các chỉ số **giảm**, thanh khoản các sàn đạt bình quân **16.401** tỷ đồng/phiên.

VN-Index ở phiên cuối tuần là **1.254,89** điểm (+2,17 điểm; **+0,17%**) và *HNX-Index* đóng cửa ở 225,41 điểm (+0,78 điểm; **+0,35%**) so với phiên cuối tuần trước.

Giá trị vốn hóa thị trường cổ phiếu¹/GDP² tại ngày 01/11/2024 là 63,1%, tăng 3,26 điểm % so với cuối năm 2023.

Tuần qua, khối ngoại đã **mua** ròng trên 3 sàn hơn 7.809 tỷ VND cổ phiếu.

Lũy kế từ đầu năm khối ngoại đã **bán** ròng trên 3 sàn hơn 79.410 tỷ VND cổ phiếu.

1. Vốn hóa cả 3 sàn ngày 01/11/2024 : 6,946 triệu tỷ VND;

2. GDP TCTK lũy kế 4 Quý gần nhất: 11,011 triệu tỷ VND.

Nguồn: HSX, HNX, GSO, TTTT tổng hợp

PHỤ LỤC
VĂN BẢN LIÊN QUAN ĐẾN LĨNH VỰC KINH TẾ - TÀI CHÍNH

I. VĂN BẢN BAN HÀNH

Cơ quan	Văn bản	Ngày ban hành	Ngày hiệu lực	Nguồn
	1. Chính phủ, bộ ngành			
VPCP	Thông báo số 496/TB-VPCP của Văn phòng Chính phủ: Kết luận của Thường trực Chính phủ tại Buổi Gặp mặt của Thường trực Chính phủ với đại diện doanh nghiệp, nhân Ngày Doanh nhân Việt Nam	29/10/2024	29/10/2024	https://vanban.chinhphu.vn/he-thong-van-ban?classid=2&mode=1
VPCP	Thông báo số 500/TB-VPCP của Văn phòng Chính phủ: Kết luận của Thường trực Chính phủ tại cuộc họp về tình hình triển khai các dự án quan trọng của Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam để đảm bảo cung ứng điện, bảo đảm an ninh năng lượng	01/11/2024	01/11/2024	

II. VĂN BẢN ĐANG DỰ THẢO

Cơ quan	Văn bản	Ngày bắt đầu xin ý kiến	Ngày hết hạn xin ý kiến	Nguồn
	2. Chính phủ, bộ ngành			
BKHĐT	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 38/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết về đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo	31/10/2024		https://chinhphu.vn/du-thao-vbqppl
BTC	Dự thảo Nghị định quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công là nhà, đất (Dự thảo xin ý kiến lần 3)	30/10/2024		
NHNN	Dự thảo Thông tư quy định về mạng lưới hoạt động của tổ chức tài chính vi mô	30/10/2024		
BTC	Bộ Tài chính báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý với dự thảo Nghị định về chế độ tài chính đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn nhà nước tại tổ	30/10/2024		

	chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và tổ chức tín dụng có vốn nhà nước			
BTC	Dự thảo Thông tư hướng dẫn cơ chế quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện “Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp khu vực tư nhân kinh doanh bền vững giai đoạn 2022 – 2025” ban hành kèm theo Quyết định số 167/QĐ- TTg ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ	30/10/2024		
NHNN	Dự thảo Thông tư quy định về hồ sơ, thủ tục thu hồi Giấy phép và thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; hồ sơ, thủ tục thu hồi Giấy phép văn phòng đại diện tại Việt Nam của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng	28/10/2024		
BTC	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2021/NĐ-CP ngày 31/3/2021 của Chính phủ về chế độ quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với Ngân hàng Phát triển Việt Nam	28/10/2024		

TRUNG TÂM THÔNG TIN GIÁM SÁT TÀI CHÍNH QUỐC GIA

